

Nguyễn Hiến Lê viết về Nhà cầm quyền và dư luận

(Nguyễn Hiến Lê: Bài này mới đầu đăng trên tạp chí Bách Khoa số 226 ngày 1-6-66, nhưng bị đុc bỏ nhiều quá, ý nghĩa rời rạc. Ông Trần Thúc Linh tiếc, chép lại bản thảo của tôi giới thiệu với Nhật báo Thần Chung. Báo này sắp chũ xong, định in vào số 5-6-66, nhưng Đinh Trịnh Chính – Bộ trưởng Thông tin [8] – bỏ trọn bài.

Trên ba năm sau, ngày 7-10-69, tôi sửa lại, đưa cho Phổ Đức in trong tuyển tập văn nghệ [Thơ văn Đông – Xuân 1969-1970], ngày 12-12-69)

Mới từ cuộc đảo chánh 1-11-1963 tới nay, đã hai lần rồi, người ta nghiệm thấy hễ một nội các khinh thị các nhà báo thì chỉ ít lâu sau, nội các đó phải nhường chỗ cho một nội các khác.

Không phải tại các nhà báo đủ sức mạnh để lật đổ nội các. Lật đổ nội các chính là nhân dân. Dân đã sẵn bất mãn với chính quyền rồi, tới khi thấy thái độ bất nhã của nhà cầm quyền đối với các nhà báo thì sự bất mãn biến thành sự bất bình, sự kiện ấy hình như ít nhà cầm quyền nhận ra được. Nếu họ chịu khó lưu ý tới dư luận thì sẽ thấy rằng sự bất nhã của họ đối với nhà báo luôn luôn gây lòng phẫn uất trong đại chúng. Giới ngôn luận ở nước ta cũng như ở các nước Âu, Mỹ, không phải là không có những người thiếu tư cách, giới nào khác mà chẳng vậy? Nhưng nếu có khi họ không phản ánh đúng dư luận, không dám dùng ngọn bút chiến đấu cho quyền lợi dân chúng thì họ cũng mang cái danh hiệu là “tiếng nói của dân chúng.” Và với tư cách đó, họ phải được nhà cầm quyền tôn trọng. Tôn

trọng họ là tôn trọng cái nhiệm vụ của họ, như ta tôn trọng nhiệm vụ của ông thẩm phán, của thầy cảnh sát còn cá nhân họ lại là chuyện khác. Nhà cầm quyền mà tỏ vẻ bất nhã với họ, dọa dẫm họ khi họ làm nhiệm vụ thì dù họ làm lãn chẳng nữa dân chúng cũng bất bình, thấy như chính mình bị miệt thị. Do đó, sức phản ứng của dân chúng tăng lên cho tới khi nhà cầm quyền rút lui mới thôi.

Mà khi đã bất bình thì đại chúng còn hơn cá nhân nữa, không hành động theo lí trí, chỉ theo tình cảm. Nhà cầm quyền dù có lí, đại chúng cũng không xét tới, huống hồ nhà cầm quyền lại mắc những lỗi lầm mỗi ngày một nặng thêm vì thiếu tự tin, thiếu tự chủ.

Vậy miệt thị nhà báo là miệt thị dư luận, miệt thị dân chúng. Trong chính trường không có lỗi nào nặng hơn lỗi đó. Dân chúng có thể chấp nhận một

thủ lãnh bất tài nếu biết phục thiện; nhưng dân chúng không thể chấp nhận một người miệt thị tiếng nói của dân. Đức bình tĩnh là đức cần nhất của nhà cầm quyền. Dân chúng có quyền mạt sát một nhà báo, nhà cầm quyền thì không.

Một thái độ nữa cũng gây bất bình trong dân chúng là thái độ “khớp mỏ dư luận.” Tôi nhận thấy nhiều người khi chưa vô chính quyền thì tư tưởng rất tự do dân chủ, mà khi vô rồi thì chỉ trong ít tuần là bắt đầu bóp nghẹt dư luận. Hình như có một lần ranh giữa chính quyền và nhân dân; còn ở bên đây thì người ta theo nhân dân; nhảy qua bên kia rồi thì thái độ người ta ngược hẳn lại, cơ hồ như quan niệm rằng chính quyền và nhân dân là hai sức chống đối nhau.

Sau cuộc đảo chánh 11-1963, từ nhà báo tới độc giả, ai chẳng tin rằng từ nay được dễ thở hơn, không được nói cho hả lòng thì ít nhất cũng được trình bày sự thực. Ấy vậy mà chỉ hai năm sau, dư luận còn bị bóp nghẹt hơn thời thực dân Pháp, hơn cả thời độc tài Diệm nữa, bóp nghẹt một cách bừa bãi, vô trách nhiệm, không theo một tiêu chuẩn nào cả: tin này đăng ở báo này được mà đăng ở báo khác thì báo bị đóng cửa; bài bình luận nọ hôm trước không đăng được mà hôm sau lại cho qua, đến nỗi hồi đó các nhà báo phải cất lên tiếng kêu ai oán: *thà chết chứ không chịu sống nhục*, so sánh cái nhục phải chịu với cái nhục thời Diệm rồi cùng nhau đưa một kiến nghị lên nhà cầm quyền đòi xét lại những tiêu chuẩn kiểm duyệt; nhưng tới nay vẫn chẳng ai biết tiêu chuẩn kiểm duyệt ra sao. Ai cũng biết rằng không có tự

do ngôn luận thì không có dân chủ mà nội các nào cũng tuyên bố chính quyền là của dân, do dân, vì dân. Nhưng hai mươi lăm năm nay dân đã phải đổ biết bao nhiêu máu để giành lại độc lập và tự do mà ngay đến tự do cần bàn là tự do ngôn luận vẫn còn như vậy. Lạ thật! Đã có nhiều người thông minh giữ bộ Thông tin rồi chứ, mà sao trong cả chục trào Thông tin từ 1946 đến nay, không một người nào có được chút sáng kiến, cứ “cóp” trúng chính sách của thực dân, rồi đến lúc thi hành thì lại thi hành bậy. Có thời người ta cấm dùng tiếng *chủ tịch*, có thời người ta lại cấm cả những địa danh Bắc Việt trong các bài toán; như vậy chưa lạ lòng bằng những hàng như vậy mà cũng bị đục:

“Người Mĩ dám liệng ra một Mĩ kim để mua một trái dứa Tam Quan; hoặc trả 10.000\$ để mướn

một căn phòng 4×4 mét ở Sài Gòn; “lửa bập bùng nung chí tự do”; “mong ước sao cho nhân loại hòa bình”...

Đáng buồn hơn nếu là câu chuyện dưới đây. Một nhân viên kiểm duyệt đòi bỏ nhiều đoạn trong một bản dịch nọ. Dịch giả đáp: Tôi chỉ là người dịch, ông muốn bỏ thì xin ông hỏi ông X hay ông Y vì ông ấy mới là người xuất bản. Thế là mấy đoạn đó đều được giữ trọn vì ông X là một người có uy quyền. Như vậy là kiểm duyệt theo tiêu chuẩn nào?

Nhà cầm quyền có thể có ba thái độ với người cầm bút. Một là coi người cầm bút đủ tư cách để tự lãnh lấy trách nhiệm, như vậy để họ tự do lựa tin tức, phát biểu ý kiến, rồi nếu họ có hành động nào vô trách nhiệm thì để Tòa án xét xử. Hai là

coi họ chưa đủ tư cách cầm viết thì phải hướng dẫn họ, nhưng muốn hướng dẫn họ thì phải nhân viên kiểm duyệt nào cũng phải có một tư cách đàng hoàng, một tâm hồn khoáng đạt, một kiến thức rộng và vững. Ba là coi một số như đối thủ của chính quyền, một hạng đối thủ bất trị, còn một số nữa như bọng tay sai của mình. Trong ba chính sách đó, từ trước tới nay người ta chỉ chuyên dùng chính sách thứ ba.

Chúng ta đã tự đứng vào mặt trận của khối Dân chủ thì không thể nào chấp nhận thái độ thứ ba đó nữa. Hiến pháp đã long trọng tuyên bố một lần nữa quyền tự do ngôn luận rồi thì lập pháp và tư pháp phải bảo đảm sự tự do ngôn luận cho quốc dân. Nếu vì hoàn cảnh chiến tranh, cần có một thời gian chuyển tiếp, bắt buộc phải hạn chế sự tự do đó, duy trì sự kiểm duyệt trong một thời gian

nào, trong một ngành nào thì phải định những nguyên tắc có thí dụ cụ thể (như cơ mật quốc phòng), chứ nhất định không được đưa ra những tiêu chuẩn tổng quát mơ hồ, như “Có lợi cho địch, mất lòng đồng minh, gây hoang mang, chia rẽ.” Phải có những bảo đảm cụ thể và chắc chắn, không để một khe hở nào cho những kẻ có manh tâm sau này có thể lợi dụng để bóp nghẹt dư luận nữa. Người cầm bút sẵn sàng tạm nhận một số hạn chế miễn là hợp lí và theo một đường lối rõ rệt.

Nhưng dù có được những bảo đảm đó thì sự tranh đấu của người cầm bút vẫn chưa thể gọi là xong được; vẫn phải đề phòng từng ngày luôn trong vài chục năm cho thành một cái nếp mới; một truyền thống mới. Nhất là đừng ham mồi mà rồi bị lung lạc; phải nhận thấy giá trị, trách nhiệm, quyền hạn

của mình có một thái độ đứng đắn, thận trọng, thẳng thắn, không dùng những “đòn” những thuật để mĩa mai bóng gió nhà cầm quyền; được vậy thì sự tranh đấu mới có hiệu quả, có lợi cho quốc dân và cả cho nhà cầm quyền nữa.

Đối với quốc dân, **nhà cầm quyền còn có một thái độ thứ ba: Thái độ mỉ dân, thái độ này khả ố hơn hết mà cũng tai hại hơn hết.** Ta khinh những nhà giáo mỉ học sinh ra sao thì cũng khinh những nhà cầm quyền mỉ dân như vậy. Ta khinh họ vì chính họ tự khinh họ. **Họ tự thấy không có gì cho quốc dân trọng hoặc mến nên mới phải dùng chính sách mỉ dân, cần được sự hoan hô của đại chúng trong một giờ hay mười phút. Khi cao hứng lên, họ hứa đủ thứ với dân, hứa cả những điều mà ai có chút lương tri nghe rồi cũng phải bực mình. Chẳng hạn hứa**

san phẳng được sự bất công trong hai năm, hứa tặng cho các người nghèo đủ cơm áo nhà cửa trong một năm, hứa diệt được chợ đen và tham nhũng trong vài tháng, có khi chỉ vài tuần, hứa thành lập ngay được một chế độ bảo hiểm và an ninh xã hội như bên Anh... Tới khi đã lỡ hứa rồi, họ phải ráng giữ lời, và để giữ lời, họ đành phải làm càn chẳng hạn ra một nghị định tăng lương cho công chức mà chẳng nghiên cứu hậu quả của biện pháp ấy, cũng chẳng đối phó với hậu quả, thành thử tăng lương một thì vật giá tăng một ruỡi, rớt cuộc tăng mà hóa giảm, mà ngân sách thêm thâm thủng...

Lẽ nào người ta không biết trước những hậu quả đó, nhưng “sau ta, trời có sụp cũng mặc.” Kẻ tối cao có lúng túng vì hậu quả chính sách mị dân

của người ta thì người ta càng khoái, còn dân đen có cực khổ hơn thì ráng mà chịu.

Thái độ mỉ dân đó khả ố hơn hai thái độ trên ở chỗ nhiều người không nhận ngay được những tai hại về sau của nó, dư luận bị ru ngủ, tới khi tỉnh giấc thì quá trễ, tình thế cứ mỗi lúc một sa lầy thêm. Không dám nói sự thực: “chẳng hạn ta chỉ thắng mà địch chỉ thua”, “ta đã đề phòng kĩ lưỡng, địch đã kiệt quệ”, “giá sinh hoạt so với ba năm trước chỉ tăng có 12%”, trong khi nó tăng lên 50%, 100%... là gạt dân cho dân đỡ bất bình, cũng là một hình thức mỉ dân nữa. Chính hình thức này là động cơ chính của chế độ khớp mỏ ngôn luận. Cho nên ở nước nào ngôn luận thực sự tự do như bên Anh, người dân mới được biết sự thực. Trong thế chiến vừa rồi, ngay khi Anh lâm nguy nhất, phải vội vã rút quân ở Tây Âu về, rồi

chịu cảnh dội bom của Đức, mà tin tức chiến sự cũng không bị kiểm duyệt. Khắp thế giới phục Churchill ở điểm đó. Có lẽ chính nhờ được biết sự thực mà dân chúng càng sát cánh với Churchill, càng gắng sức để tự cứu lấy mình.

Trong gia đình, vợ chồng, con cái không tin nhau thì không thể có sự đoàn kết được; trong quốc gia, nhà cầm quyền và quốc dân không tin nhau thì cũng không thể có sự đoàn kết được. Đoàn kết khi chỉ có một triệu dân như Israel năm 1949 cũng hóa mạnh; không đoàn kết thì có năm bảy trăm triệu dân như Trung Hoa Dân Quốc năm 1949 cũng hóa yếu. Mà muốn đoàn kết thì trước hết phải cho dân tự do đưa ý kiến, nghĩa là đừng miệt thị dư luận, đừng khớp mỏ dư luận và đừng mỉa dân, gạt dân. Tại một nước tiến bộ như Anh, tự do ngôn luận chẳng phải chỉ là căn bản của chế

độ dân chủ mà còn là điều kiện của sự thịnh vượng. Dân tộc ta chưa được tiến bộ như Anh, nhưng nhiệm vụ của chính quyền là hướng dẫn dân tới sự tiến bộ. Có lẽ nào sau hai mươi lăm năm chiến tranh, chúng ta chẳng tiến mà còn thụt lùi hơn hồi trước chiến tranh nữa?

Trích: Để tôi đọc lại

Nguyễn Hiến Lê, người cải chính nhiều sự hiểu nhầm về Trung Quốc

Vương Trí Nhàn

Trong khoa Trung quốc học cái mới của Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984) so với các bậc tiền bối là ở chỗ không những tinh thông Hán học mà ông còn mang lại cho nó một cái nhìn khác.

Ông có thể làm được điều đó là nhờ chỗ xuất thân từ Tây học, và luôn luôn tìm tòi các sách vở nói về Hán học.

Hai cuốn sách quan trọng của Nguyễn Hiến Lê làm theo hướng này là bộ [Sử Trung Quốc](#), và bộ đôi [Khổng Tử](#) – *Luận Ngữ*.

Cái nhìn của ông là từ bên ngoài và không phụ thuộc vào cách giải thích của Trung Quốc. Nhưng ông vẫn biết tìm ra những khía cạnh tốt đẹp mà cả Đông và Tây, cổ điển và hiện đại đều phải công nhận.

Ông cải chính nhiều sự hiểu nhầm về Trung quốc. Chúng tôi sẽ lược lại một số ý trong cuốn *Sử Trung Quốc* bàn về chính trị mà chúng tôi thấy tâm đắc nhất, và những lời bàn chung quanh khái niệm *dân* ở Nho học, là những điều hiện mang tính thời sự.

TRỊ QUỐC CHI ĐẠO (I)

Một lần ở một hiệu sách ở ga Bắc kinh, tôi thấy một cuốn sách dày cộp mang tên như trên. Chợt

nhận ra việc quản lý quốc gia ở nước Trung Hoa cổ được ghi chép rất đầy đủ và nâng lên tới trình độ một bộ phận quan trọng trong văn hóa.

Đọc cuốn sách *Sử Trung quốc* Nguyễn Hiến Lê viết cuối đời, càng thấy rõ điều đó.

— Tần Thủy Hoàng độc tài chuyên chế. Ông giết trí thức. Nhưng đó không phải là cách cai trị lưu manh vô học. Đã tin dùng trí thức nào (thừa tướng Lý Tư) là dùng đến triệt để. Đốt sách, kể cả *Tứ thư Ngũ Kinh* nhưng là đốt những bộ tạp nham, trong khi vẫn tàng trữ một bộ trong triều đình (tr103, bản *Sử TQ* của Nxb Tổng hợp TP HCM,2006). Với những điều luật bắt buộc *thư đồng văn xa đồng quỹ*, ông ta có công đưa mọi sinh hoạt của quốc gia vào nền nếp. Các trường học dưới thời ông dạy rất kỹ môn pháp luật quốc gia.

— Thời Tiên Tần, TQ đã có những nhân vật quản lý xã hội đầy tài năng và có tư duy hiện đại như Quản Trọng, Thương Ưởng. Trung Quốc cuối thế kỷ XX cũng đang lặp lại nhiều biện pháp của Thương Ưởng.

— Triệu Khuông Dẫn vua nhà Tống được quân lính đặt lên ngai vàng nhưng công việc đầu tiên khi lên ngôi là đặt văn quan trên võ quan và hạn chế quyền lực của các chỉ huy quân đội.

(Nói như sách *Các nền văn minh thế giới—Lịch sử & văn hóa* thì ngay từ đời Đường, người Trung Hoa đã tin chắc rằng các chế độ quân sự không hợp với một quốc gia có chuẩn tắc và văn minh.)

— Trong các biện pháp cải cách của Vương An Thạch đời Tống cũng có nhiều việc rất hiện đại,

chẳng hạn khi tuyển dụng quan lại chỉ huy các việc nông điền thủy lợi không dùng người văn hay chữ tốt vừa đỗ đạt mà thiên về dùng người có chuyên môn tức có kinh nghiệm.

— Sau các chiến thắng quân sự lẫy lừng, chế độ cai trị mà Hốt Tất Liệt áp đặt lên xã hội Trung Hoa hết sức tùy tiện “triều đình là một mớ hỗn độn vô tổ chức, hiệu lệnh ban ra địa phương không nghe; mỗi gia đình đại thần tự làm chính trị, mỗi người tự coi là quốc gia “ (tr396-397)

— Trong số lý do khiến Mãn Thanh về sau thành công, có lý do này — “ triều đình ít can thiệp vào đời sống của dân “ (tr 481), “ đất đai mênh mông mà số quan lại rất ít” (tr482). Ở trang 497 còn ghi rõ hơn 450 triệu dân chỉ có 100.000 quan lại.

TRỊ QUỐC CHI ĐẠO (II)

Các xã hội chiến tranh là những xã hội tham
những nặng nề. Lần đầu tiên tôi biết điều đó là từ
phần viết về nhà Nguyên trong cuốn *Những bước
thịnh suy của các triều đại phong kiến Trung
quốc*, của nhóm Cát Kiếm Hùng, bản tiếng Việt
của nhà sách Văn Lang 2004.

Nhưng mới đây đọc lại hóa ra các sử gia chuyên
về sử Trung quốc đã viết về tình trạng thiếu pháp
luật và tham nhũng của các chính quyền quân sự
từ lâu.

Như Nguyễn Hiến Lê & Giản Chi đã viết trong
cuốn *Hàn Phi Tử* — Bản của Nxb Văn hóa
1997—tr 29:

Bắt đầu ngay từ thời Chiến quốc, thời các chư hầu
đánh lộn lẫn nhau.

“Quan lại đa số tham nhũng: Tư Mã Thiên trong bộ Sử ký thiên 119 chỉ chép truyện của năm vị quan tốt, mà thiên 122 chép truyện của mười tên quan xấu (chữ Hán gọi là khốc lại).

Kẻ sĩ tranh nhau ăn tới mức Phạm Tuy tể tướng Tần, tư cách chẳng cao đẹp gì mà cũng phải ví họ với bầy chó của vua Tần: “(khi bình thường) nằm thì cùng nằm, đi thì cùng đi, ngừng thì cùng ngừng, không cắn nhau; nhưng hễ ném cho chúng một khúc xương thì chúng vùng dậy, nhe nanh ra cắn nhau. Chỉ tại tranh ăn.

..Xã hội từ trên xuống dưới đầy trộm cướp “.

QUAN LẠI XUẤT THÂN TỪ DÂN NGHÈO CÀNG DỄ THAM NHŨNG

Trong việc làm bộ sử Trung quốc, Nguyễn Hiến Lê dựa nhiều vào các nhà sử học phương Tây,

nhưng bao giờ cũng dẫn họ ra rất đầy đủ sau đó có ý kiến riêng của mình.

Ví như quanh chuyện quan lại và tham nhũng ở Trung quốc. Lối tuyển người làm quan ở đây là qua khoa cử, nó có cái mạnh là tránh đi vào cha truyền con nối của quý tộc châu Âu, và đây là điều khiến cho Voltaire cũng từng khâm phục.

Nhưng một nhà nghiên cứu là Eberhard lưu ý ta một điểm khác.

Ông này khi nghiên cứu về các đời Đường Tống đã nói rằng nguồn gốc của tệ tham nhũng là do quan lại được trả lương quá thấp.

Khi nghiên cứu sang thời Minh, Eberhard lại lưu ý càng đả quan lại xuất thân từ các tầng lớp dân nghèo, do đỗ đạt mà thành quan càng dễ tham nhũng. Tại sao? Muốn đỗ thì phải hối lộ quan

trường, đỗ rồi muốn được bổ dụng thì phải đút lót nhà quyền quý... Đến lúc ra làm quan thì phải tham nhũng để thu hồi vốn và trả nợ.

Chép lại nhận xét này của Eberhard (tr. 441), Nguyễn Hiến Lê tỏ ý không tin.

Nhưng tôi thì lại thấy rất tin vì nó giúp tôi giải thích tình hình quan chức thời nay.

CHUNG QUANH KHÁI NIỆM **DÂN TRONG NHO HỌC**

Đây là một điểm mà theo tôi Nguyễn Hiến Lê có cách hiểu khác hẳn với đa số chúng ta hiện nay và ông đã giữ quan niệm này cho tới cùng.

Nguyễn Hiến Lê – Cuộc đời và tác phẩm là tên một cuốn sách của Châu Hải Kỳ. Có lẽ ở Việt Nam ít ai được hạnh phúc như Nguyễn Hiến Lê.

Từ trước 1975, ông được người bạn ở xa là Châu

Hải Kỳ theo dõi từng bước đi.

Những năm cuối cùng trong cuộc đời Nguyễn Hiến Lê lại được ông Châu tiếp tục quan tâm và nhất là đoạn miêu tả về cái chết của Nguyễn Hiến Lê rất cảm động.

Riêng tôi, đặc biệt chú ý tới trang 431, của cuốn sách tiểu sử này, ở đó Châu Hải Kỳ viết “kết thúc chương chót này, tôi xin cầu xin ông cho phép tôi trưng ra một đoạn thư trích” có liên quan tới việc dạy học của Khổng tử. Chữ họ sau đây là chỉ các học giả Hà Nội

“...Họ không đọc gì hết mà phê bình thì mình bắt bẻ làm quái gì, phí công. Chẳng hạn trong *Nhà giáo họ Khổng*, tôi nói rõ rằng trước Khổng chỉ có những trường của triều đình cho con quý tộc học, Khổng là người đầu tiên mở trường tư dạy bất kỳ hạng người nào, từ kẻ nghèo, chỉ mang lại

một gói nem; và ông dạy như vậy chú ý để đào tạo hạng bình dân có học thay bọn quý tộc vô học trong việc trị nước. Công ông lớn lao như vậy mà họ chê là phong kiến, thì nhắc tới họ làm gì cho phí giấy. Thôi đi anh ơi (...)"

Sở dĩ Châu Hải Kỳ phải đưa đoạn này ở cuối sách và Nguyễn Hiến Lê tự nhiên có giọng bi phẫn, là vì ở đây chạm tới một đề tài hình như quan trọng nhất của Nguyễn Hiến Lê là Khổng giáo.

Theo cách trình bày của các học giả Hà Nội, thì Khổng tử đáng muôn lần căm giận, vì đã khinh bỉ nhân dân, đề cao sự thống trị của bọn ngụy quân tử. Nói chung là người ta không chú ý tới khái niệm dân mà Khổng tử đã đề cập. Khi nói tới Nho giáo thì người ta chỉ nói đến chữ Lễ, Trung, đầy tính ràng buộc, và bằng cách đó thì bảo đảm uy quyền của giai cấp thống trị.

Nhưng trong các tài liệu viết về đạo Khổng mà Nguyễn Hiến Lê gặp lại ở phương tây thì ông lại thấy một điều ngược lại, và ông đã trình bày trong nhiều tập sách, cuối cùng là tập trung ở cuốn Khổng tử mà ông soạn trong thời gian từ sau 1975.

Như đoạn trên đã viết, chính ra Khổng tử là người đã rất gần gũi với người dân bình thường.

Ông biết rằng việc cai trị cần đến kiến thức nên đã dân chủ hóa kiến thức, và sẵn sàng mang lại những kiến thức quyền lực truyền đạt đến người dân thường.

Với Nguyễn Hiến Lê, đó là mặt tích cực, mặt trội nhất của Khổng tử và ông không thể chịu được cách hiểu sai của nhiều học giả Hà Nội. Ông giận cũng là phải.

NIỀM TIN ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA

Trên trang Web của mình , Nguyễn Mộng Giác viết về Nguyễn Hiến Lê:

“ Mỗi lần gặp ông, tôi đều nhớ lại hai câu thơ cổ:

Khẳng khái cần vương dị

Thung dung tỵ nghĩa nan. ()*

(*) Xin tạm hiểu là Hết lòng phò vua là chuyện dễ, thung dung hy sinh vì nghĩa lớn mới khó VTN

Vâng, ông là người không ồn ào, không phô trương hào nhoáng, không cố làm cho người đời thấy mình rực rỡ lóng lánh mà chỉ lặng lẽ làm việc, thung dung đạt được điều nghĩa.

Niềm tin tưởng ở công việc mình làm nơi ông lớn lao quá, đến độ cuộc sống và thời cuộc không ảnh hưởng nhiều đến ông. Giữa một xã hội chủ nghĩa

mất giá, ông vẫn giữ trọn niềm trân trọng đối với
chữ nghĩa.”

Nguồn: Blog Vương Trí Nhàn